



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp. Hồ Chí Minh
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0013591.25
MSM: VT.25.5824.NT02

Tên mẫu : Nước thải
Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY SÀI GÒN
Địa điểm lấy mẫu : Khu Công nghiệp Mỹ Xuân A, Phường Phú Mỹ, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 01/12/2025
Ngày trả kết quả : 26/12/2025

VIMCERTS 075

| TT | Thông số | Đơn vị | Phương pháp thử | Kết quả | Giới hạn thông số Nhà máy đang áp dụng | QCVN 12- MT: 2015/ BTNMT | QCVN 40:2011/ BTNMT |
|----|--|--------|--|-----------|--|--------------------------------|-----------------------------|
| | | | | NT02 | | Cột A, Kq=1,0 và Kf=0,9 | Cột A, Kq=1 và Kf=0,9 |
| 1 | Nhiệt độ | °C | SMEWW 2550B:2023 | 32,4 | 40 | 40 | 40 |
| 2 | Độ màu ^(#) | Pt/Co | SMEWW 2120C:2023 | 42 | 50 | 67,5 | 50 |
| 3 | pH ^(#) | - | TCVN 6492:2011 | 7,75 | 6 ÷ 9 | 6 ÷ 9 | 6 ÷ 9 |
| 4 | BOD ₅ (20°C) ^(#) | mg/L | TCVN 6001-1:2021 | 26 | 27 | 27 | 27 |
| 5 | COD ^(#) | mg/L | SMEWW 5220C:2023 | 51 | 67,5 | 90 | 67,5 |
| 6 | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(#) | mg/L | SMEWW 2540D:2023 | 13 | 45 | 45 | 45 |
| 7 | Chì (Pb) ^(#) | mg/L | SMEWW 3113B:2023 | < 0,0020 | 0,09 | - | 0,09 |
| 8 | Cadimi (Cd) ^(#) | mg/L | SMEWW 3113B:2023 | < 0,00020 | 0,045 | - | 0,045 |
| 9 | Crom VI (Cr ⁶⁺) ^(#) | mg/L | SMEWW 3500- Cr.B:2023 | < 0,0030 | 0,045 | - | 0,045 |
| 10 | Cr ³⁺ | mg/L | SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500- Cr.B:2023 | < 0,003 | 0,18 | - | 0,18 |
| 11 | Đồng (Cu) ^(#) | mg/L | SMEWW 3111B:2023 | < 0,030 | 1,8 | - | 1,8 |
| 12 | Sắt (Fe) ^(#) | mg/L | SMEWW 3111B:2023 | < 0,060 | 0,9 | - | 0,9 |
| 13 | Tổng xyanua (CN ⁻) ^(#) | mg/L | SMEWW 4500-CN- .C&E:2023 | < 0,0015 | 0,063 | - | 0,063 |
| 14 | Tổng phenol ^(#) | mg/L | SMEWW 5530B&C:2023 | < 0,0020 | 0,09 | - | 0,09 |
| 15 | Tổng dầu mỡ khoáng ^(#) | mg/L | SMEWW 5520B&F:2023 | < 0,9 | 4,5 | - | 4,5 |
| 16 | Sulfua (S ²⁻) ^(#) | mg/L | SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023 | < 0,040 | 0,18 | - | 0,18 |
| 17 | Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) | mg/L | TCVN 5988:1995 | 0,84 | 4,5 | - | 4,5 |
| 18 | Tổng Nito ^(#) | mg/L | TCVN 6638:2000 | 4,94 | 18 | - | 18 |
| 19 | Tổng Photpho (tính theo P) ^(#) | mg/L | TCVN 6202:2008 | 0,13 | 3,6 | - | 3,6 |



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: 14 đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Tp.Hồ Chí Minh
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường Vũng Tàu, Tp.Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.362.00147
Hotline: 0902.585.140 (Mr.Thu) 0906.737.001 (Mr.Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn;



| TT | Thông số | Đơn vị | Phương pháp thử | Kết quả | Giới hạn thông số Nhà máy đang áp dụng | QCVN 12- MT: 2015/ BTNMT | QCVN 40:2011/ BTNMT |
|----|---|---------------|---------------------|-----------------------|--|--------------------------------|-----------------------------|
| | | | | NT02 | | Cột A, Kq=1,0 và Kf=0,9 | Cột A, Kq=1 và Kf=0,9 |
| 20 | Clo dư ^(#) | mg/L | TCVN 6225-2:2021 | < 0,03 | 0,9 | - | 0,9 |
| 21 | Halogen hữu cơ dễ bị hấp thụ (AOX) ⁽¹⁾ | mg/L | TCVN 6493: 2008 | <1 | - | 6,75 | - |
| 22 | Dioxin ⁽²⁾ | pgTEQ /L | US EPA Method 1613B | 5,13 | - | 13,5 ^a | - |
| 23 | Coliform | MPN/ 100mL | SMEWW 9221B:2023 | 9,2 x 10 ² | 3.000 | - | 3.000 |

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- (1) Viện khoa học công nghệ năng lượng và môi trường - Phòng nghiên cứu và phát triển (R&D) (vilas 366 - vimcerts 079);
- (2) Thông số được phân tích bởi Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Công nghệ cao – Trung tâm An toàn Thực phẩm và Môi trường, Vimcerts 229;
- NT02: Nước thải đầu ra của HTXL nước thải;
- QCVN 12-MT: 2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy;
- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- (a) Áp dụng từ ngày 01/01/2018;
- (-): Không quy định/Không phân tích;
- ([#]): Thông số được chứng nhận Vilas;
- Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất cứ hình thức nào nếu không có sự đồng ý của PNE.

Trưởng phòng thí nghiệm

Cao Trần Thảo Uyên

Giám đốc



Đinh Tấn Thu

